

Số: 927/BC-CTK

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và năm 2021 tỉnh Thái Nguyên

Kinh tế - xã hội năm 2021 của cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng diễn ra trong bối cảnh sự bùng phát trở lại và kéo dài với biến chủng mới nâng cấp nguy hại của đại dịch Covid-19. Trước những khó khăn, thách thức mới chưa từng có, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách kịp thời để chỉ đạo phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh thực hiện mục tiêu kép “đẩy lùi bệnh dịch và phát triển kinh tế”, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh.

Trong bối cảnh đó, với sự quyết liệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của cấp ủy và chính quyền các cấp tỉnh Thái Nguyên; sự chung sức, đồng lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội nên mặc dù khó khăn nhưng tỉnh Thái Nguyên đã đạt được kết quả tích cực trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Đây chính là cơ sở, nền tảng quan trọng để kinh tế của tỉnh năm 2022 sẽ được phục hồi trong bối cảnh bình thường mới, tạo tiền đề quan trọng để thực hiện các mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025.

Trên cơ sở kết quả thực hiện 11 tháng và ước tính số liệu tháng 12 năm 2021, Cục Thống kê dự báo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cả năm 2021 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SO VỚI KẾ HOẠCH

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) trên địa bàn năm 2021 ước đạt 6,51%, không đạt kế hoạch (*kế hoạch là tăng 7%*).

2. Giá trị sản xuất công nghiệp cả năm 2021 (*theo giá so sánh năm 2010*) ước đạt 844 nghìn tỷ đồng, tăng 7,71% so với cùng kỳ và bằng 100,38% kế hoạch; trong đó, công nghiệp địa phương quản lý ước đạt 36,35 nghìn tỷ đồng, tăng 9,18% so với cùng kỳ, bằng 101,12% kế hoạch; công nghiệp trung ương ước đạt 27,4 nghìn tỷ đồng, tăng 16,87% so với cùng kỳ và bằng 111,3% kế hoạch và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 780,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,35% so với cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch.

3. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 28,85 tỷ USD, tăng 17,94% so với cùng kỳ và bằng 102,38% kế hoạch; trong đó, xuất khẩu địa phương là 568,6 triệu USD, tăng 12,24% so với cùng kỳ và bằng 108,3% kế hoạch.

**4.** Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2021 trên địa bàn ước đạt 16.750 tỷ đồng, bằng 107,4% dự toán; trong đó thu nội địa 14.550 tỷ đồng, bằng 115,5% dự toán; thu xuất nhập khẩu 2.130 tỷ đồng, bằng 71% dự toán.

**5.** Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2021 ước đạt 4,18% so với năm 2020 (*vượt kế hoạch đề ra là tăng 4%*). Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 3,9% (*trồng trọt tăng 1,61%, chăn nuôi tăng 5%, dịch vụ nông nghiệp tăng 8,61%*); ngành lâm nghiệp tăng 8,62% và ngành thủy sản tăng 6,52%.

**6.** Giá trị sản phẩm/1 ha đất nông nghiệp trồng trọt năm 2021 ước đạt 117,8 triệu đồng, vượt kế hoạch (*115 triệu đồng*), tăng 7,8 triệu đồng so với năm 2020.

**7.** Sản lượng lương thực có hạt cả năm 2021 ước đạt 460,7 nghìn tấn, tăng 0,13% so với cùng kỳ và bằng 106,11% kế hoạch. Trong đó, sản lượng thóc là 384 nghìn tấn, tăng 0,18% so với cùng kỳ và bằng 105,98% kế hoạch; sản lượng ngô là 76,8 nghìn tấn, giảm 0,13% so với cùng kỳ và bằng 106,79% kế hoạch.

**8.** Diện tích trồng rừng mới tập trung toàn tỉnh đạt 4.471,2 ha, giảm 5,29% so với năm 2020 và bằng 111,78% kế hoạch.

**9.** Diện tích trồng chè mới và trồng lại toàn tỉnh cả năm 2021 ước đạt 455,6 ha, bằng 105,9% kế hoạch, giảm 42,1% so với cùng kỳ; trong đó diện tích chè trồng mới là 80,6 ha bằng 86,7% kế hoạch và bằng 44,3% cùng kỳ.

**10.** Giảm tỷ suất sinh thô năm 2021 đạt 0,1‰, đạt kế hoạch.

**11.** Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2021 đạt 71%, hoàn thành kế hoạch.

**12.** Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đạt dưới 3%, hoàn thành kế hoạch.

**13.** Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2021 ước đạt 2,17%, giảm 0,65% so với năm 2020, đạt kế hoạch (*kế hoạch là  $\geq 0,45%$* ).

**14.** Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi năm 2021 là 9,8% (*kế hoạch là dưới 10%*), đạt kế hoạch.

**15.** Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm 2021 là 07 xã, hoàn thành kế hoạch năm 2021.

**16.** Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%, vượt kế hoạch (*kế hoạch là 98,3%*).

**17.** Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt **86,11%**, vượt kế hoạch (*kế hoạch là 85,21%*).

**18.** Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 92,53%, hoàn thành kế hoạch; tỷ lệ xóm, làng, tổ dân phố văn hoá đạt 93,83%, hoàn thành kế hoạch; cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá đạt 95,22%, hoàn thành kế hoạch.

**19.** Tỷ lệ che phủ rừng tính đến hết năm 2021 đạt trên 46%, hoàn thành kế hoạch năm.

**20.** Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%, đạt kế hoạch.

21. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 82,6%, đạt kế hoạch (kế hoạch là trên 79%).

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU**

### **I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế**

#### **1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2021 ước tính tăng 6,51% so với năm 2020 (kế hoạch là 7%); trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,24%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 7,34%, đóng góp 4,32 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,80%, đóng góp 1,53 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,01%, đóng góp 0,21 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2021, khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 58,72%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,76%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 30,52%. Có thể thấy rằng, trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế theo ngành có sự dịch chuyển theo hướng tích cực là tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

#### **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

##### **2.1. Trồng trọt**

###### **\* Cây hàng năm**

Năm 2021 một số địa phương chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích sử dụng và một số diện tích cây trồng hiệu quả kinh tế chưa cao nên diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm so với năm trước ở hầu hết các loại cây trồng, riêng chỉ có cây rau các loại có diện tích tăng.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2021 đạt 112 nghìn ha, giảm 1,9% so với năm 2020. Hầu hết diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm đều giảm so với cùng kỳ do một số diện tích đất hiệu quả kinh tế thấp nên đã chuyển sang sử dụng mục đích khác. Trong đó, cây lương thực có hạt diện tích là 84,5 nghìn ha (*chiếm 75,4% tổng số*), giảm 1,5% cùng kỳ; cây khoai lang đạt 2,9 nghìn ha, giảm 10%; cây đỗ tương đạt 450 ha, giảm 21,9%; cây lạc đạt 3,1 nghìn ha tương đương năm trước... Riêng cây rau, đậu các loại đạt 16 nghìn ha, tăng 1,3% so cùng kỳ.

Tính riêng cây lúa, năm 2021 toàn tỉnh gieo cấy được 68,8 nghìn ha, giảm 1,3% so cùng kỳ. Năng suất lúa vụ Mùa năm 2021 ước đạt 54,98 tạ/ha, tăng 0,3% so với vụ Mùa 2020. Với dự ước như trên, năng suất lúa cả năm 2021 đạt 55,79 tạ/ha, tăng 1,5% với năm 2020 và sản lượng lúa cả năm ước đạt 384 nghìn tấn, bằng 105,98% kế hoạch và tăng 0,18% so cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng cây ngô cả năm 2021 đạt khoảng 15,7 nghìn ha, giảm 2,5% so với cả năm 2020. Năng suất ngô bình quân cả năm ước đạt 48,9 tạ/ha, tăng 1,17 tạ/ha so với cùng kỳ; sản lượng ngô cả năm ước đạt 76,7 nghìn tấn, giảm 0,13% so với năm 2020 và bằng 106,8% kế hoạch.

Dự ước tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm 2021 đạt 460,7 nghìn tấn, tăng 0,13% so cùng kỳ và bằng 106,11% kế hoạch năm (434,2 nghìn tấn).

- *Tiến độ gieo trồng vụ Đông 2021 - 2022*: Vụ Đông năm nay kế hoạch gieo trồng cây hàng năm chủ yếu trên địa bàn tỉnh là 11 nghìn ha, bao gồm: cây ngô là 4,1 nghìn ha, cây rau các loại là 6,9 nghìn ha. Diện tích gieo trồng một số cây trồng chính tính đến ngày 31/12/2021 toàn tỉnh đạt trên 11,7 nghìn ha, giảm 7,4% so với thực hiện vụ Đông năm 2020. Diện tích gieo trồng vụ Đông năm 2021 giảm ở hầu hết các loại cây trồng: cây ngô ước đạt 3,8 nghìn ha, giảm 7,9%; cây rau, đậu các loại ước đạt 6,2 nghìn ha, giảm 8,1% so cùng kỳ...

### \* Cây lâu năm

Năm 2021, tổng diện tích hiện có cây lâu năm toàn tỉnh ước đạt 36,6 nghìn ha, giảm 1,8% so với năm 2020 (*do chặt bỏ một số cây ăn quả có giá trị kinh tế thấp*). Bên cạnh đó, một số cây ăn quả có diện tích tăng so với cùng kỳ như: cây thanh long ước đạt 232,9 ha (+8,42%); cây na 855,4 ha (+15,5%)... Còn lại các cây khác hầu hết đều có diện tích giảm so cùng kỳ.

- *Cây chè*: Trên địa bàn tỉnh đã tập trung ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển chè theo hướng vừa mở rộng quy mô diện tích, vừa phát triển theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm chè. Cùng với chuyển đổi cơ cấu giống, các địa phương đã chú trọng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến chè an toàn, hữu cơ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhiều diện tích chè của tỉnh được sản xuất theo hướng áp dụng quy trình sản xuất chè an toàn, sản xuất theo hướng hữu cơ, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn trong nước và quốc tế (*như tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, UTZ Certified, hữu cơ...*). Sản lượng chè chủ yếu là sản phẩm chè xanh, chè xanh chất lượng cao.

Diện tích chè trồng mới và trồng lại toàn tỉnh cả năm 2021 ước đạt 455,6 ha, bằng 105,95% kế hoạch và giảm 42,12% (-331,58 ha) so với năm 2020. Trong đó chè trồng mới là 80,6 ha và trồng cải tạo là 375 ha.

Tổng diện tích chè hiện có trên địa bàn tỉnh tính đến cuối năm 2021 ước đạt là 22.444,7 ha, tăng 0,2% so cùng kỳ, trong đó diện tích chè cho sản phẩm là 20.116,5 ha, tăng 1,84%. Ước tính năng suất chè bình quân đạt 124,8 tạ/ha, tăng 1,1 tạ/ha nên sản lượng chè búp tươi ước đạt 251,9 nghìn tấn, tăng 3,05% so với sản lượng năm 2020 và bằng 100,7% kế hoạch cả năm.

Hiện nay, toàn tỉnh có 38 doanh nghiệp, 77 hợp tác xã và 230 làng nghề, làng nghề truyền thống sản xuất, chế biến, kinh doanh chè; 100% cơ sở chế biến chè xanh, chè xanh chất lượng cao đã ứng dụng cơ giới hóa các khâu sao, vò chè. Các thiết bị chế biến thủ công, lạc hậu đã được thay thế bằng các thiết bị chế biến mới, bán công nghiệp (*tôn quay inox, máy sao bằng gas, bằng điện*) bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng chè.

- *Cây ăn quả*: Diện tích cây ăn quả của toàn tỉnh đạt khoảng 13,93 nghìn ha (*chiếm 37,9% tổng diện tích cây lâu năm*), giảm 5,1% so cùng kỳ. Trong đó, cây

vải 1,3 nghìn ha (-5,2%); cây cam, chanh, quýt 680 ha (-0,97%); cây xoài 350 ha (-8%);... Bên cạnh đó, một số cây quả có diện tích tăng so với năm trước như: cây na diện 855,4 ha (+15,5%); cây mít 473,27 ha (+21,1%); cây bưởi 1.993,79 ha (+2,5%) do cây bưởi đang được người dân nhân rộng bởi có giá trị kinh tế, thời gian thu hoạch dài, quả dễ bảo quản...

Hiệu quả cây ăn quả đã đóng góp không nhỏ vào chỉ tiêu giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt, một số vùng trồng cây ăn quả tập trung góp phần vào phát triển kinh tế ở các địa phương như huyện Võ Nhai, huyện Đông Hy, thị xã Phổ Yên...

## 2.2. Chăn nuôi

Trong năm 2021 tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn như: Một số loại dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm (*bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò; Lở mồm long móng gia súc; Cúm gia cầm; Dịch tả lợn Châu Phi, Tai xanh*); giá thức ăn chăn nuôi tăng; giá con giống vẫn ở mức cao; giá sản phẩm và sản lượng tiêu thụ giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhiều địa phương phải áp dụng giãn cách, hoạt động của các nhà hàng, dịch vụ ăn uống... bị hạn chế đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất chăn nuôi. Tuy nhiên, do thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh nên cơ bản hoạt động chăn nuôi vẫn được duy trì, tổng đàn gia súc, gia cầm tái đàn phát triển tương đối ổn định.

### \* Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm

- *Bệnh dịch tả lợn Châu Phi*: Xảy ra 02 đợt dịch từ 13/5/2021 đến 12/8/2021 và từ 29/9/2021 đến ngày 13/12/2021 tại 47 hộ, 26 xóm, tổ dân phố của 13 xã thuộc 7 huyện<sup>1</sup> với tổng số lợn mắc bệnh bị tiêu hủy là 612 con với trọng lượng là hơn 40,2 tấn. Hiện còn 03 ổ dịch tại phường Lương Sơn (TP Sông Công), xã Tân Hương (TX Phổ Yên) và xã Giang Tiên (huyện Phú Lương) chưa qua 21 ngày.

- *Bệnh Tai xanh ở lợn*: Xảy ra từ ngày 11/10/2021 đến ngày 20/12/2021 tại 05 hộ chăn nuôi thuộc xã 04 xã, phường của huyện Định Hóa và thành phố Sông Công<sup>2</sup>, số lợn mắc bệnh, buộc phải tiêu hủy là 78 con với tổng trọng lượng khoảng gần 4 tấn. Hiện tại các ổ dịch đã qua 21 ngày.

- *Bệnh Viêm da nổi cục*: Xảy ra từ 14/01/2021 đến ngày 14/7/2021, tại 1.832 hộ thuộc 641 thôn, xóm của 137 xã của 9/9 huyện, thành phố, thị xã với tổng số gia súc mắc bệnh 2.640 con, tiêu hủy 562 con tương ứng với trọng lượng là trên 71 tấn.

<sup>1</sup> TP Sông Công, TX Phổ Yên, huyện Đông Hy, huyện Đại Từ, huyện Định Hóa, huyện Võ Nhai và huyện Phú Lương.

<sup>2</sup> Xã Kim Phượng huyện Định Hóa và xã Tân Quang, phường Lương Sơn và phường Phố Cò của thành phố Sông Công.

- *Bệnh Lở mồm long móng*: Xảy ra từ ngày 02/4/2021 đến 26/8/2021 tại 16 hộ, 07 xóm thuộc 03 huyện, thành phố<sup>3</sup> với tổng số 51 con trâu, bò, lợn mắc bệnh; đã tiêu huỷ 28 con lợn với tổng trọng lượng khoảng 1,45 tấn.

- *Bệnh Cúm gia cầm (A/H5N6)*: Xảy ra từ ngày 25/01/2021 đến 17/3/2021 tại 13 hộ, 5 xóm, 3 xã của 02 huyện trong tỉnh<sup>4</sup>. Tổng số gia cầm mắc bệnh buộc phải xử lý, tiêu huỷ là 10,6 nghìn con.

\* **Công tác phòng, chống dịch bệnh**: Ngành chức năng của tỉnh đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng để tiêu diệt mầm bệnh trong môi trường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Đã tổ chức được 05 đợt vệ sinh, tiêu độc khử trùng, đã cấp tổng số 38.044 lít hóa chất các loại dạng nước và 2.033 kg hóa chất dạng bột (Vibazon) cho các huyện, thành phố, thị xã và Trung tâm giống cây trồng vật nuôi và thủy sản.

Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm cơ bản hoàn thành kế hoạch 2 đợt trong năm 2021.

\* **Dự ước đàn gia súc, gia cầm và sản lượng thịt hơi xuất chuồng**

Tại thời điểm 01/10/2021, đàn trâu trên địa bàn toàn tỉnh đạt khoảng 43,25 nghìn con, giảm 2,7%; đàn bò khoảng 46,4 nghìn con, tăng 0,3% so với cùng kỳ; đàn lợn 452,7 nghìn con, giảm 11,1% so cùng kỳ; đàn gia cầm khoảng 15,3 triệu con, tăng 6,7% so cùng kỳ.

Dự tính tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2021 đạt 156,72 nghìn tấn, tăng 6,13% cùng kỳ và đạt 107,3% kế hoạch (146 nghìn tấn). Trong đó, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 85,2 nghìn tấn và sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng là 60,1 nghìn tấn.

Tính riêng quý IV/2021, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 40,3 nghìn tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ. Trong đó, thịt lợn hơi ước đạt 21,1 nghìn tấn, tăng 2,2%; thịt trâu ước đạt 1,5 nghìn tấn, tăng 0,2%; thịt bò đạt 1.833 tấn, tăng 3,2%; thịt gia cầm đạt 21,1 nghìn tấn, tăng 2,2%; riêng thịt gà đạt 15,9 nghìn tấn, tăng 17,6%.

*Giá bán sản phẩm chăn nuôi quý IV/2021*: Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi giảm 5,88% so với quý trước và giảm 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi lợn giảm 20,6% so với quý trước và giảm 28% so với cùng kỳ; chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm tăng 1,02% so với quý trước nhưng giảm 1,07% so với cùng kỳ. Chỉ số giá thức ăn chăn nuôi quý IV/2021 tăng 2,1% so với quý III/2021.

*Giá bình quân một số mặt hàng trong tháng 12/2021*: Giá thịt lợn hơi đạt khoảng 47,9 nghìn đồng/kg; giá lợn giống khoảng 115,7 nghìn đồng/kg; giá gà ta thịt hơi bình quân 102,6 nghìn đồng/kg; giá gà công nghiệp lông màu bình quân 26,4 nghìn đồng/kg.

<sup>3</sup> Thành phố Sông Công, huyện Đông Hy và huyện Định Hóa.

<sup>4</sup> Xã Kim Phượng của huyện Định Hóa và xã Tân Phú, xã Đông Cao của thị xã Phổ Yên.

### 2.3. Lâm nghiệp

Diện tích trồng rừng tập trung năm 2021 toàn tỉnh đạt 4.471,24 ha, bằng 111,8% kế hoạch (4.000 ha). Trong đó, rừng sản xuất đạt 4.283,14 ha, tăng 0,21% so cùng kỳ; rừng phòng hộ đạt 188,1 ha; diện tích rừng trồng theo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững là 1.144,7 ha.

Trong năm, ngành chức năng đã tổ chức Tết trồng cây và hưởng ứng chương trình “*Trồng một tỷ cây xanh góp phần phát triển bền vững đất nước giai đoạn 2021-2025*” của Chính phủ. Tổ chức xây dựng phần mềm quản lý cây xanh “*Thai Nguyen SmartTree*”, gần 1,1 triệu cây xanh được cập nhật dữ liệu có hình ảnh và tọa độ trên phần mềm, có thể xuất dữ liệu thông tin hoàn chỉnh về cây xanh.

*Công tác phòng cháy chữa cháy rừng:* Từ đầu năm đến nay trên địa bàn xảy ra 06 vụ cháy rừng<sup>5</sup>. Tổng diện tích rừng bị thiệt hại do cháy là 5,36 ha. Số vụ phá rừng là 16 vụ với diện tích rừng bị phá là 4,75 ha.

*Tình hình khai thác lâm sản:* Ước tính năm 2021 khai thác được 240 nghìn m<sup>3</sup> gỗ, tăng 24,8% so cùng kỳ và 263 nghìn ste củi, giảm 2% so với cùng kỳ.

*Kết quả ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng:* Năm 2021 đã xử lý 127 vụ vi phạm, tịch thu 177,4 m<sup>3</sup> gỗ quy tròn các loại và các phương tiện vi phạm các loại. Thu nộp ngân sách Nhà nước 1.236 triệu đồng.

### 2.4. Thủy sản

Ước tính năm 2021 toàn tỉnh sản xuất được 826,7 triệu con giống thủy sản, tăng 4,38% so với năm 2020. Trong đó, cá trắm giống đạt 156 triệu con, tăng 5,41%; cá rô phi giống đạt 123 triệu con, tăng 2,5%; còn lại là các loại thủy sản giống khác đạt 249 triệu con, tăng 4,18% so với năm 2020.

Sản lượng thủy sản cả năm 2021 ước đạt 16,2 nghìn tấn, bằng 101,1% kế hoạch và tăng 8,63% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 15,9 nghìn tấn, tăng 8,5% so cùng kỳ và sản lượng thủy sản khai thác đạt 308 tấn, tăng 13,9% so cùng kỳ.

### 2.5. Tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Theo kế hoạch về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, năm 2021 tỉnh Thái Nguyên đặt ra mục tiêu có 07 xã đăng ký đạt chuẩn Nông thôn mới và 08 xã đăng ký đạt xã Nông thôn mới nâng cao. Từ đầu năm các ngành, các cấp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện phong trào thi đua “*Thái Nguyên chung sức xây dựng Nông thôn mới*”.

Dự tính đến hết năm 2021, toàn tỉnh có 115 xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>6</sup>; có 28 xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn

<sup>5</sup> Chia ra: 03 vụ xảy ra trong tháng 01/2021; 01 vụ xảy ra trong tháng 6/2021; 01 vụ xảy ra trong tháng 8/2021 và 01 vụ xảy ra trong tháng 10/2021 tại huyện Đại Từ, huyện Võ Nhai và thị xã Phổ Yên.

<sup>6</sup> Năm 2021, dự tính toàn tỉnh có 07 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (đạt 100% kế hoạch).

2017-2020, bao gồm 06 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 21,4%; 22 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 78,5%. Bình quân toàn tỉnh đạt 17,87 tiêu chí/xã.

Để hoàn thành mục tiêu đề ra, ngành chức năng tham mưu cơ quan cấp trên về Phương án phân bổ 80 nghìn tấn xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2021; giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện Chương trình 28 tỷ đồng (mức hỗ trợ 4 tỷ đồng/xã). Qua kiểm tra, đánh giá, đến cuối năm 2021 tỉnh Thái Nguyên sẽ hoàn thành chỉ tiêu 7 xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

### 3. Sản xuất công nghiệp

Do ảnh hưởng nặng nề của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ tư, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung gặp nhiều khó khăn. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn trong chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp lớn cho thu ngân sách của tỉnh bị giảm sút, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp. Tuy nhiên, với quyết tâm cao trong việc thực hiện “mục tiêu kép” nên các doanh nghiệp đã chủ động áp dụng linh hoạt các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để duy trì và phát triển sản xuất. Hơn nữa, bước sang tháng 10, các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được khôi phục và phát triển trong trạng thái bình thường mới nên sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh ước tính cả năm 2021 cơ bản duy trì được đà tăng trưởng.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2021 (*theo giá so sánh năm 2010*) ước đạt 844 nghìn tỷ đồng, tăng 7,71% so với cùng kỳ và bằng 100,38% kế hoạch. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp ước tính năm 2021 của khu vực kinh tế trong nước đạt 63,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12,36% so với cùng kỳ và bằng 105,26% kế hoạch<sup>7</sup>; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 780,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,35% so với cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để hoàn thành kế hoạch năm nên chỉ số tiêu thụ tháng 12/2021 tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 3,8% so với cùng kỳ; theo đó, lượng tồn kho giảm 18,2% so với cùng kỳ.

Dự ước chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) trên địa bàn tháng 12/2021 giảm 4,7% so với tháng trước nhưng tăng 5,6% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 15,2% so với tháng trước và giảm 7,2% cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện giảm 6,3% so với tháng trước và giảm 10,8% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến chế tạo giảm 4,6% so với tháng trước nhưng tăng 6% cùng kỳ; cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 1% so với tháng trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ.

Nhóm sản phẩm sản xuất tháng 12/2021 ước tính sản lượng tăng cao so với cùng kỳ là: thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 151,4 triệu sản phẩm, tăng

---

<sup>7</sup> Công nghiệp địa phương quản lý ước đạt 36,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,18% so với cùng kỳ và bằng 101,12% kế hoạch; công nghiệp trung ương ước đạt 27,4 nghìn tỷ đồng, tăng 16,9% so với cùng kỳ và bằng 111,3% kế hoạch.



29%; sản phẩm may đạt 8,3 triệu sản phẩm, tăng 17,3%; camera truyền hình đạt 5,4 triệu sản phẩm, tăng 16,1%; điện thoại thông minh đạt 9,2 triệu sản phẩm, tăng 15,6%; vonfram và sản phẩm của vonfram đạt 1,6 nghìn tấn, tăng 12%; nước máy thương phẩm đạt 2,6 triệu m<sup>3</sup>, tăng 10,4%; tai nghe khác đạt 3,9 triệu sản phẩm, tăng 9,6%; than khai thác đạt 107,7 nghìn tấn, tăng 7,1%; xi măng đạt 295,8 nghìn tấn, tăng 5,9%; điện thương phẩm đạt 425 triệu kwh, tăng 3,9%... Nhóm sản phẩm có sản lượng thấp hơn so với cùng kỳ là: sắt thép các loại đạt 131,3 nghìn tấn, giảm 10,4%; điện sản xuất đạt 103 triệu kwh, giảm 18,3%; mạch điện tử tích hợp đạt 14,5 triệu sản phẩm, giảm 20,5%; máy tính bảng 0,6 triệu sản phẩm, giảm 21,3%; đồng tinh quặng đạt 3 nghìn tấn, giảm 26,1%...

Tính riêng Quý IV/2021, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 8,4% so với quý IV/2020<sup>8</sup>. Nhóm sản phẩm công nghiệp sản xuất trong quý IV/2021 tăng cao so với cùng kỳ như: camera truyền hình đạt 17,1 triệu sản phẩm, tăng 46,2%; thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 432,9 triệu sản phẩm, tăng 25,4%; vonfram và sản phẩm của vonfram đạt 4,7 nghìn tấn, tăng 20,5%; điện thoại thông minh đạt 27,7 triệu sản phẩm, tăng 16,4%; sản phẩm may đạt 23,7 triệu sản phẩm, tăng 14,5%; tai nghe khác đạt 11,4 triệu sản phẩm, tăng 9,6%... Nhóm sản phẩm có sản lượng đạt thấp như: sắt thép các loại đạt 387,7 nghìn tấn, giảm 5,3%; đồng tinh quặng đạt 9,1 nghìn tấn, giảm 24,8%; mạch điện tử tích hợp đạt 40,1 triệu sản phẩm, giảm 25,3%; máy tính bảng đạt 2,1 triệu sản phẩm, giảm 34,4%...

IIP toàn ngành công nghiệp cả năm 2021 tăng 7,7% so với cùng kỳ. Trong đó, tăng cao nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8%<sup>9</sup>; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,7%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,7%; ngành khai khoáng giảm 8,2%.

Nhóm sản phẩm công nghiệp sản xuất trong năm 2021 có sản lượng tăng so với cùng kỳ là: camera truyền hình đạt 68,2 triệu sản phẩm, tăng 23,1% cùng kỳ và bằng 106,5% kế hoạch; thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 1.554 triệu sản phẩm, tăng 20,6%; vonfram và sản phẩm của vonfram đạt 17,4 nghìn tấn, tăng 19,3% cùng kỳ và bằng 114,6% kế hoạch; điện thoại thông minh đạt 98,1 triệu sản phẩm, tăng 18,3% cùng kỳ và bằng 88% kế hoạch<sup>10</sup>; tai nghe khác đạt 46,2 triệu sản phẩm, tăng 15,3% cùng kỳ và bằng 100,5% kế hoạch; sản phẩm may đạt 81,8 triệu sản phẩm, tăng 10,6% cùng kỳ và bằng 110,6% kế hoạch; điện thương phẩm đạt 5.384 triệu kwh, tăng 10,3% cùng kỳ và bằng 100,5% kế hoạch; than khai thác đạt 1,4 triệu tấn, tăng 7,6% cùng kỳ và bằng 101,9% kế hoạch; sắt thép các loại đạt 1,6 triệu tấn, tăng 6,6% cùng kỳ và bằng 105,7% kế hoạch; nước máy thương phẩm đạt 30,6 triệu m<sup>3</sup>, tăng 5,7% cùng kỳ và bằng 95,6% kế hoạch...

<sup>8</sup> Chỉ số sản xuất Quý IV/2021 tăng là do đóng góp của nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,6% so với cùng kỳ.

<sup>9</sup> Trong đó, tăng cao là nhóm sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 29%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 22,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 17,4%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 13,2%...

<sup>10</sup> Trong đó, điện thoại có giá dưới 3 triệu đạt 46,7 triệu sản phẩm, tăng 30,7%; điện thoại có giá từ 6 triệu trở lên đạt 23,4 triệu sản phẩm, tăng 10,9%; điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu đạt 28,1 triệu sản phẩm, tăng 7,5% cùng kỳ.

Nhóm sản phẩm có sản lượng giảm so với cùng kỳ là: xi măng đạt 2,9 triệu tấn, giảm 1,4% cùng kỳ và bằng 98,5% kế hoạch; điện sản xuất đạt 1.440 triệu kwh, giảm 4,1%; mạch điện tử tích hợp đạt 109,8 triệu sản phẩm, giảm 19,6% cùng kỳ và bằng 77,9% kế hoạch; máy tính bảng đạt 9,6 triệu sản phẩm, giảm 46,4% cùng kỳ và bằng 50% kế hoạch...

#### **4. Thương mại, dịch vụ và giá tiêu dùng**

##### **4.1. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội**

Trong năm 2021, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn cũng gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19. Hoạt động bán lẻ trên địa bàn bị tác động do tâm lý lo ngại về dịch bệnh, xu hướng tiêu dùng của người dân vẫn là ưu tiên mua sắm các mặt hàng thiết yếu và hạn chế các nhóm hàng hóa, dịch vụ chưa thực sự cần thiết. Hoạt động ăn uống, du lịch, lễ hành bị ảnh hưởng nặng nề và chưa thể phục hồi ngay. Tuy nhiên, trong khó khăn, nhiều doanh nghiệp, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, các hộ kinh doanh... đã linh hoạt, tích cực tìm các giải pháp phù hợp để duy trì và từng bước ổn định hoạt động kinh doanh; chủ động đón đầu xu hướng phục hồi của thị trường trong những tháng cuối năm để khai thác, đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ. Do vậy, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn năm 2021 vẫn đạt được mức tăng trưởng khá.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn tỉnh tháng 12/2021 ước đạt 4,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ. Tính riêng quý IV/2021 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn đạt 12,5 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước đạt 557,1 tỷ đồng, tăng 0,6%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 12 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19,4 tỷ đồng, giảm 29,7%.

Ước tính cả năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 44,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ<sup>11</sup>. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 42,4 nghìn tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 95% tổng mức), tăng 11,5% so với cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 73 tỷ đồng, giảm 16,9%.

Trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, khu vực kinh tế cá thể đạt 25,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 56,6% thị phần bán lẻ), tăng 11,76% so với cùng kỳ, còn lại là khối doanh nghiệp trong nước đạt 17,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 38,3%), tăng 11,2%; còn lại một phần nhỏ là doanh thu dịch vụ lưu trú của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Nếu phân theo ngành kinh tế, nhóm ngành thương nghiệp đạt 35,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 79% tổng số), tăng 12,2% so cùng kỳ; nhóm dịch vụ lưu trú, ăn uống doanh thu ước đạt 3,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,8% so cùng kỳ; nhóm du lịch lễ hành

<sup>11</sup> Nếu loại trừ yếu tố giá thì tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2021 tăng 10,1% so với năm 2020.

đạt 29,5 tỷ đồng, bằng 69,1% so với cùng kỳ; nhóm dịch vụ tiêu dùng còn lại ước đạt 5,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8% cùng kỳ.

Trong cơ cấu doanh thu bán lẻ, hầu hết các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng năm 2021 đều tăng so với cùng kỳ. Nhóm mặt hàng đạt doanh thu bán lẻ lớn nhất là nhóm lương thực, thực phẩm đạt 12.603 tỷ đồng (chiếm 35,7% doanh thu bán lẻ), tăng 15,5% so với cùng kỳ; tiếp đến là nhóm xăng dầu các loại đạt 4.214,6 tỷ đồng (chiếm 11,9%), tăng 26%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 3.810,8 tỷ đồng (chiếm 10,8%), tăng 8,8% cùng kỳ; nhóm ô tô các loại đạt 3.388,5 tỷ đồng, tăng 7%; nhóm hàng may mặc đạt 2.588,5 tỷ đồng, tăng 6,3%; nhóm hàng hóa khác đạt 2.264,3 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ... Nhóm duy nhất có doanh thu ước năm 2021 giảm so với cùng kỳ là nhóm phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) đạt 2.114,8 tỷ đồng, giảm 1,4%.

## **4.2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá**

Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu trên toàn cầu, hạn chế cả ở phía cung và phía cầu. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu đã có những giải pháp duy trì, thúc đẩy sản xuất và tìm kiếm thị trường nên hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của tỉnh trong năm 2021 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, đặc biệt là trong những tháng cuối năm.

### **\* Xuất khẩu:**

Trong tháng cuối năm, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng có nhiều thuận lợi. Trên thế giới, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ, EU... đã và đang thực hiện các phương án mở cửa, sử dụng hộ chiếu vắc xin, tổ chức lại các hoạt động kinh tế... báo hiệu nhu cầu đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cao, trong đó có các mặt hàng của tỉnh Thái Nguyên.

Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2021 ước đạt 2,64 tỷ USD, tăng 94,8% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 45,04 triệu USD, tăng 23,9% so với cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,6 tỷ USD, tăng 96,8% so với cùng kỳ.

Nhóm hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2021 ước đạt tăng so với cùng kỳ là: sản phẩm điện tử khác và phụ tùng đạt 1,3 tỷ USD, tăng 86,95%; máy tính bảng đạt 241,5 triệu USD, tăng 78,7%; chè các loại đạt 0,16 triệu USD, tăng 15,9%; sản phẩm may đạt 36,65 triệu USD, tăng 13,4%... Nhóm hàng hóa có giá trị thấp hơn so với cùng kỳ là: kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 15,9 triệu USD, tương đương so với cùng kỳ; điện thoại thông minh đạt 300,16 triệu USD, giảm 31,9%; sản phẩm từ sắt thép đạt 5,53 triệu USD, giảm 19,4% cùng kỳ...

Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2021 ước đạt 28,85 tỷ USD, tăng 17,9% so cùng kỳ và bằng 102,4% kế hoạch; trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 28,25 tỷ USD (chiếm 98% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 18% so với cùng kỳ; xuất khẩu khu vực kinh tế trong nước là 595,5 triệu USD, tăng 13,3% so cùng kỳ.

Nhóm mặt hàng xuất khẩu năm 2021 chiếm tỷ trọng lớn là nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử khác (*chiếm 90,5% tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn*), ước đạt 26,12 tỷ USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ. Hầu hết các nhóm mặt hàng chủ yếu xuất khẩu đều tăng so với cùng kỳ như: sản phẩm từ sắt thép đạt 42,9 triệu USD, tăng 22,8% và bằng 51,7% kế hoạch; sản phẩm may đạt 457,5 triệu USD, tăng 12,7% và bằng 138,6% kế hoạch; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 243,3 triệu USD, tăng 8,2% và bằng 121,7% kế hoạch; phụ tùng vận tải đạt 5,38 triệu USD, tăng 6,3%; nhóm giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 3,6 triệu USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ và bằng 105,1% kế hoạch...

**\* Nhập khẩu:**

Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tháng 12/2021 ước đạt 1,15 tỷ USD, giảm 7,28% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1,13 tỷ USD, giảm 7,11% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế trong nước đạt 22,7 triệu USD, giảm 15,25%...

Nhóm hàng hóa nhập khẩu tháng 12/2021 đạt giá trị tăng cao hơn so với cùng kỳ như: nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 2,35 triệu USD, tăng 60,14%; sản phẩm từ sắt thép đạt 1,49 triệu USD, tăng 33,21%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 2,05 triệu USD, tăng 37,03%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu đạt 10,83 triệu USD, tăng 31%... Bên cạnh đó, nhóm hàng hóa nhập khẩu có giá trị đạt thấp hơn so với cùng kỳ như: vải các loại đạt 8,85 triệu USD, giảm 31,44% cùng kỳ; nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 1,09 tỷ USD, giảm 9,27% cùng kỳ...

Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn năm 2021 ước đạt 17,22 tỷ USD, tăng 18,89% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu 320,8 triệu USD (chiếm 1,86% tổng giá trị nhập khẩu trên địa bàn), tăng 14,91% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 16,9 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 98,14% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 18,97% so với cùng kỳ.

Các mặt hàng nhập khẩu trong năm 2021 của tỉnh chủ yếu là nguyên liệu, linh kiện và máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất. Một số nhóm hàng hóa có giá trị nhập khẩu tăng cao so với cùng kỳ như: nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 16,4 tỷ USD, tăng 19,68%; sản phẩm từ sắt thép đạt 29,89 triệu USD, tăng 18,64% so với cùng kỳ; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 40,33 triệu USD, tăng 14,33%... Riêng nhóm giấy các loại đạt 5,96 triệu USD, giảm 4,11% so với cùng kỳ.

### **4.3. Vận tải**

Mặc dù cũng là ngành bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là trong khoảng thời gian nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước áp dụng Chỉ thị 16 để phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng thì hoạt động vận tải kho bãi trên địa bàn tỉnh có dấu hiệu phục hồi khá và đạt tăng trưởng so với cùng kỳ.

Tổng doanh thu vận tải trên địa bàn tháng 12/2021 ước đạt 446 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 67,4 tỷ đồng, giảm 6,6% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 338,3 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

Tính riêng Quý IV/2021, tổng doanh thu vận tải kho bãi trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.312,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so cùng kỳ và tăng 10,7% so với quý III/2021. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hoá ước đạt 996 tỷ đồng, tăng 4,4%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 196,2 tỷ đồng, giảm 5,4% do ảnh hưởng của dịch bệnh nên nhu cầu đi lại của người dân giảm; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 120 tỷ đồng, tăng 12,8%.

Tính chung cả năm 2021, tổng doanh thu vận tải kho bãi trên địa bàn ước đạt 5.090,5 tỷ đồng, tăng 10,9% cùng kỳ, trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa (chiếm tỷ trọng 75,5%) đạt 3.843,3 tỷ đồng, tăng 12,2%; doanh thu vận tải hành khách đạt 777 tỷ đồng, tăng 6%; còn lại là doanh thu từ dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 470,2 tỷ đồng, tăng 8,8%.

- **Vận chuyển hành khách:** Số lượt hành khách vận chuyển tháng 12/2021 ước đạt 1,42 triệu lượt khách với lượng hành khách luân chuyển là 69,6 triệu hành khách.km. So với tháng trước tăng 1,9% về số hành khách vận chuyển và tăng 1,1% về số hành khách luân chuyển; so với cùng kỳ giảm 10,9% về số hành khách vận chuyển và giảm 12,6% về số hành khách luân chuyển.

Tính riêng Quý IV/2021, do là thời điểm cuối năm, nhu cầu đi lại của người dân tăng cao nên số lượng hành khách vận chuyển ước đạt 4,1 triệu hành khách, giảm 8% so cùng kỳ nhưng tăng 10,4% so với Quý III/2021, tương ứng với khối lượng luân chuyển đạt 207 triệu hành khách.km, giảm 12,4% so với cùng kỳ, nhưng tăng 5,2% so với Quý III/2021.

Ước tính cả năm 2021 số lượt hành khách vận chuyển đạt 17,6 triệu hành khách với 894,3 triệu hành khách.km luân chuyển, tăng 8,3% so với cùng kỳ về hành khách vận chuyển và tăng 2,1% về số lượng hành khách luân chuyển.

- **Vận chuyển hàng hóa:** Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 12/2021 ước đạt 4,3 triệu tấn với 169,2 triệu tấn.km, tăng 1,1% so với tháng trước về khối lượng vận chuyển và tăng 0,4% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ tăng 2,1% về khối lượng hàng hóa vận chuyển và tăng 2,7% về khối lượng hàng hóa luân chuyển.

Tính riêng Quý IV/2021 có số lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 12,4 triệu tấn với 499,3 triệu tấn.km; so với cùng kỳ tăng 7,2% về khối lượng hàng hóa vận chuyển và tăng 5,1% về số lượng hàng hóa luân chuyển. Quý IV/2021 là quý có khối lượng vận chuyển hàng hóa nhiều nhất so với các quý trong năm 2021 do nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng cao vào dịp cuối năm.

Tính chung cả năm 2021, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 46,2 triệu tấn với khối lượng luân chuyển là 1.878 triệu tấn.km, tăng 12,1% về khối lượng vận chuyển và tăng 9,9% về khối lượng luân chuyển so với năm 2020.

#### 4.4. Giá tiêu dùng (CPI)

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến tâm lý người tiêu dùng cũng như nhu cầu sử dụng một số loại hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng chung. Mặt khác, CPI trong năm 2021 cũng chịu

tác động của các yếu tố như: Nhà nước điều chỉnh tăng giá xăng dầu, giá gas theo giá nhiên liệu thế giới; giá điện sinh hoạt tăng do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng điện tăng cao; giá học phí năm học 2020- 2021 tăng theo lộ trình của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Ở chiều ngược lại, giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm có xu hướng giảm (đặc biệt là giá thịt lợn - nhóm hàng có quyền số lớn trong “rổ hàng hóa” đang có xu hướng giảm; giá một số mặt hàng đồ dùng, trang thiết bị gia đình, các mặt hàng nhóm văn hóa, giải trí và du lịch có xu hướng giảm... Do vậy, tính bình quân năm 2021, CPI chỉ tăng 1% so với cùng kỳ. Đây là tốc độ tăng thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây<sup>12</sup>.

Bình quân chỉ số giá tiêu dùng quý IV/2021 tăng 1,49% so với bình quân quý IV/2020. Trong đó, có 7/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng là nhóm giao thông (+15,53%); nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (+4,27%); nhóm đồ uống và thuốc lá (+3,38%)<sup>13</sup>; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép (+1%); nhóm đồ dùng và dịch vụ khác (+0,98%); nhóm giáo dục (+0,52%); nhóm thuốc và dụng cụ y tế (+0,14%). Có 4/11 nhóm có chỉ số giá giảm là: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-2,75%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (-0,12%); nhóm bưu chính viễn thông (-0,48%) và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (-0,19%).

Bình quân năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng tăng 1% so với bình quân năm 2020. Trong đó, tăng cao nhất là nhóm giao thông, tăng 9,85%<sup>14</sup>; nhóm giáo dục tăng 3,91%<sup>15</sup>; do nhóm đồ uống có cồn tăng 11,71% nên nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,38%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,55%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,02%; nhóm đồ dùng và dịch vụ khác tăng 1,01%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,36%<sup>16</sup>. Còn lại 4/11 nhóm có chỉ số giá bình quân giảm so với cùng kỳ là: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-2,22%)<sup>17</sup>, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (-0,33%); nhóm bưu chính viễn thông (-0,43%); nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (-0,67%).

So với tháng trước, CPI giảm 0,07%. Có 2/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,9% (do nhu cầu tiêu dùng giảm nên nhóm điện và dịch vụ điện giảm 2,46%); nhóm giao thông giảm 1,58% (do ảnh hưởng của 2 đợt điều chỉnh giá xăng dầu làm cho giá nhóm nhiên liệu giảm 4,76%). Có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng là: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,61% (do nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng

<sup>12</sup> Năm 2016 tăng 4,37%; năm 2017 tăng 2,33%; năm 2018 tăng 3,16%; năm 2019 tăng 2,68% và năm 2020 tăng 4,05%.

<sup>13</sup> Do nhóm đồ uống không cồn tăng 11,71%.

<sup>14</sup> Do giá xăng, dầu trong nước tăng theo giá xăng, dầu thế giới nên chỉ số giá nhóm nhiên liệu tăng 30,45%.

<sup>15</sup> Giá dịch vụ giáo dục tăng 4,35%, do giá học phí một số trường chuyên nghiệp tăng theo lộ trình.

<sup>16</sup> Do dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp nên nguyên liệu nhập khẩu và vận chuyển gặp khó khăn, cùng với đó nhu cầu mua thuốc để phòng chống dịch tăng cao nên giá thuốc tăng.

<sup>17</sup> Do nhóm thịt gia súc giảm 12,81%; nhóm rau tươi, khô và chế biến giảm 5,02% nhóm thịt chế biến giảm 3,43%; nhóm thịt gia cầm giảm 1,32%.

1,56%); nhóm đồ dùng và dịch vụ khác tăng 0,42%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,36%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,05% và nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,2%. Còn lại 3/11 nhóm có chỉ số giá tương đương tháng trước là nhóm may mặc, mũ nón và giày dép; nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2021 tăng 1,65% so với cùng kỳ năm 2020. Có 8/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó tăng nhiều nhất là nhóm giao thông tăng 13,66% (*nguyên nhân chủ yếu là nhóm nhiên liệu tăng 45,79% do Nhà nước điều chỉnh tăng giá xăng dầu theo giá nhiên liệu thế giới*); nhóm đồ uống và thuốc lá (+4,1%); nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (+2,75%), (*trong đó, giá gas tăng 25,47% do giá gas thế giới tăng*); nhóm may mặc, mũ nón và giày dép (+1,04%); nhóm đồ dùng và dịch vụ khác (+1,02%); ...Ở chiều ngược lại, có 2/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,23%<sup>18</sup>; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,47% (*do nhóm thiết bị điện thoại giảm 1,68%*). Còn lại duy nhất 01 nhóm có chỉ số giá tương đương so với cùng kỳ là nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình.

**Chỉ số giá vàng:** Do giá vàng trong nước biến động theo xu hướng của giá vàng thế giới nên chỉ số giá vàng tháng 12/2021 giảm 0,21% so với tháng trước và giảm 3,03% so với cùng kỳ. Chỉ số giá vàng bình quân Quý IV/2021 giảm 3,88% so với cùng kỳ. Chỉ số giá vàng bình quân năm 2021 tăng 6,46% so với cùng kỳ.

**Chỉ số giá Đô la Mỹ:** Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 12/2021 tăng 1,36% so với tháng trước, giảm 0,62% so với cùng kỳ. Tính riêng quý IV/2021, chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 1,52% so với quý III/2021. Bình quân 12 tháng năm 2021, chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 1,21% so với cùng kỳ.

## 5. Hoạt động tài chính, tín dụng

### 5.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Công tác quản lý thu, chi ngân sách đã đáp ứng kịp thời kinh phí để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; đáp ứng được nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh.

#### \* Thu ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2021 ước đạt 16,75 nghìn tỷ đồng, vượt kế hoạch tỉnh giao và tăng 7,2% so cùng kỳ. Trong tổng thu, thu cân đối đạt 16,7 nghìn tỷ đồng, tăng 6,9% so kế hoạch và tăng 7,4% so cùng kỳ; các khoản thu huy động đóng góp 70 tỷ đồng, giảm 22,3% so cùng kỳ.

Trong tổng thu cân đối, thu nội địa đạt 14,5 nghìn tỷ đồng, tăng 15,5% so với kế hoạch và tăng 10,9% so cùng kỳ; thu hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 2,1

<sup>18</sup> Do nhóm thực phẩm giảm 2,98%, trong đó nhóm thịt gia súc giảm 16,89%; nhóm thịt chế biến giảm 9,87% (do cùng thời điểm này năm 2020, giá thịt lợn hơi ở mức cao, vì nguồn cung thiếu khi chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi).

nghìn tỷ đồng, giảm 11,8% so với cùng kỳ và bằng 71% so với dự toán cả năm 2021.

Trong thu nội địa, có 5/14 khoản thu tăng so cùng kỳ như: Thu thuế bảo vệ môi trường đạt 530 tỷ đồng, tăng 6%; thu phí lệ phí đạt 657 tỷ đồng, tăng 4,6%; các khoản thu về nhà đất đạt 5,3 nghìn tỷ đồng, tăng 63,9%<sup>19</sup>; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt ước đạt 218,6 tỷ đồng, tăng 9,4%; thu khác ngân sách ước đạt 302,7 tỷ đồng, tăng 48,1%. Bên cạnh đó, một số khoản thu giảm sâu so với cùng kỳ như: Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 12,7 tỷ đồng, giảm 20,3%; thu từ doanh nghiệp Nhà nước đạt 995,5 tỷ đồng, giảm 16,1%; thu xổ số kiến thiết 13 tỷ đồng, giảm 15,9%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh giảm 9,7%; thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài giảm 8,5%; thu thuế thu nhập cá nhân 1,1 nghìn tỷ đồng, giảm 8,2%.

Xét theo cơ cấu thu, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu thu ngân sách của tỉnh năm 2021 là thu nội địa, chiếm 86,87%; tiếp đến là thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu chiếm 12,72%; còn lại là các khoản huy động đóng góp.

Trong thu nội địa, khoản thu lớn nhất là thu từ nhà đất ước đạt 5,3 tỷ đồng (chiếm 31,8%), tiếp đến là thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài 4 nghìn tỷ đồng (chiếm 23,9%); thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh 1,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 8,4%); thu thuế thu nhập cá nhân 1,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 6,6%)...

#### **\* Chi ngân sách địa phương**

Ước tính cả năm 2021, tổng chi ngân sách địa phương đạt 16,728 nghìn tỷ đồng, bằng 76,8% so với cùng kỳ và tăng 4,1% so với dự toán. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 5,92 nghìn tỷ đồng, bằng 97% so với cùng kỳ và bằng 123,8% dự toán; chi thường xuyên ước đạt 8,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,8% so với cùng kỳ và vượt dự toán 5,5%,

Trong tổng chi thường xuyên, có 5/14 khoản chi tăng so cùng kỳ như: chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 21,3% tổng chi), tăng 0,8% so cùng kỳ; chi quốc phòng đạt 199,2 tỷ đồng, tăng 3,5%; chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt 968,4 tỷ đồng, tăng 10,4%; chi văn hóa thông tin đạt 199 tỷ đồng và tăng 6,9%; chi khác đạt 121,5 tỷ đồng, tăng 11,3%. Các khoản chi trong năm 2021 giảm trên 20% so với cùng kỳ như: chi an ninh và trật tự xã hội đạt 99,6 tỷ đồng, giảm 23,3%; chi khoa học công nghệ đạt 34,7 tỷ đồng, giảm 22,8%. Còn lại các khoản chi khác cũng giảm so với cùng kỳ như: chi thể dục thể thao 30 tỷ đồng (-11,5%); chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn 67,8 tỷ đồng (-14%); chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 280,5 tỷ đồng (-2,5%); chi sự nghiệp kinh tế 1,07 nghìn tỷ đồng (-1,7%); chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể 1,8 nghìn tỷ đồng (-3%); chi đảm bảo xã hội 550,8 tỷ đồng (-13,6%).

Xét theo cơ cấu chi, chi thường xuyên chiếm 53,8% tổng chi ngân sách Nhà nước; chi đầu tư phát triển chiếm 35,4%; chi các nhiệm vụ khác 10,6%. Trong chi

<sup>19</sup> Riêng thu tiền sử dụng đất ước đạt 4.500 tỷ đồng, tăng 88,3% so với cùng kỳ.



thường xuyên, chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là khoản chi lớn nhất, chiếm 21,3% tổng chi; chi công tác quản lý hành chính, đảng, đoàn thể chiếm 10,8%; các khoản chi còn lại chiếm dưới 7%.

## 5.2. Hoạt động ngân hàng

Năm 2021 ngành chức năng đã kịp thời chỉ đạo các Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện có hiệu quả các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2021, trong đó tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng góp phần hạn chế tín dụng đen, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Đồng thời, tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, cho vay mới với lãi suất ưu đãi.

*Về tình hình thực hiện lãi suất:* Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,2%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng là 3,3-3,5%/năm; từ 06 tháng trở lên là 4,2-6,9%/năm. Về lãi suất cho vay bằng Việt Nam đồng đối với các lĩnh vực ưu tiên là 4,5%/năm. Lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 5-8%/năm đối với ngắn hạn, từ 7,8-9,6%/năm đối với trung và dài hạn.

*Về hoạt động huy động vốn:* Tổng nguồn vốn huy động của các Tổ chức tín dụng trên địa bàn đến 30/11/2021 đạt 84,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,43% so với 31/12/2020. Ước đến 31/12/2021, nguồn vốn huy động đạt 86,5 nghìn tỷ đồng, tăng 16,56% so với 31/12/2020.

*Về hoạt động tín dụng:* Dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đến 30/11/2021 đạt 70,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,63% so với 31/12/2020, cao hơn cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước tăng 7,08%). Ước đến 31/12/2021, dư nợ cho vay đạt 70,9 nghìn tỷ đồng, tăng 13,46% so với 31/12/2020, vượt kế hoạch của Ủy ban nhân tỉnh đề ra là tăng 12%).

Nợ xấu là 614 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,87%/tổng dư nợ.

**\* Kết quả thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng vay bị ảnh hưởng của dịch Covid-19:**

Triển khai Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ, ngành chức năng của tỉnh đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng đồng thuận giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, có 16 ngân hàng thương mại có thị phần tín dụng lớn đã đồng loạt giảm lãi suất cho vay các khoản dư nợ hiện hữu với mức giảm từ 0,5-1,5%/năm, thời gian áp dụng từ 15/7/2021 đến cuối năm 2021.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên đã cho 05 doanh nghiệp vay để trả lương phục hồi sản xuất và hợp đồng trả lương ngừng việc với số tiền trên 3,5 tỷ đồng.

Lũy kế từ đầu năm 2021, các tổ chức tín dụng đã thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kết quả như sau:

- Miễn giảm lãi vay với dư nợ là 2.713 tỷ đồng cho 3.001 khách hàng với số lãi được miễn giảm là 1,393 tỷ đồng.

- Cơ cấu thời hạn trả nợ và tạm thời giữ nguyên nhóm nợ với dư nợ là 7,8 nghìn tỷ đồng cho trên 3,5 nghìn khách hàng.

- Cho vay mới với lãi suất ưu đãi: Doanh số cho vay mới với lãi suất ưu đãi là 67,2 nghìn tỷ đồng với hơn 24 nghìn khách hàng còn dư nợ.

## **6. Đầu tư và xây dựng**

### **6.1. Đầu tư**

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý IV/2021 ước đạt 18,4 nghìn tỷ đồng, tăng 19,7% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 11,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 62,4%), tăng 23,4% so cùng kỳ<sup>20</sup>; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 6,9 nghìn tỷ đồng, tăng 13,9% cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn năm 2021 ước đạt 52,1 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 33,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ<sup>21</sup>; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh tháng 12/2021 ước đạt 500 tỷ đồng, giảm 3,4% so với tháng trước nhưng tăng 37,1% so với cùng kỳ<sup>22</sup>. Lũy kế cả năm 2021, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 5.202,5 tỷ đồng, tăng 19,2% so cùng kỳ<sup>23</sup>.

#### **\* Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài:**

Tính từ đầu năm đến thời điểm 25/12/2021 trên địa bàn tỉnh có 15 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới với tổng vốn đầu tư đăng ký là 111,34 triệu

<sup>20</sup> Vốn đầu tư do Nhà nước quản lý đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân đạt 8,6 nghìn tỷ đồng, tăng 29,7% cùng kỳ.

<sup>21</sup> Vốn đầu tư do Nhà nước quản lý đạt 8,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4%, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân đạt 25,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8% cùng kỳ.

<sup>22</sup> Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 226,7 tỷ đồng (chiếm 45,3%), giảm 0,87% so với tháng trước và tăng 15,9% so với cùng kỳ; vốn ngân sách cấp huyện đạt 261,4 tỷ đồng (chiếm 52,3%), giảm 5,4% so với tháng trước, nhưng tăng 64,9% so với cùng kỳ; còn lại là ngân sách cấp xã giảm 7% so với tháng trước, nhưng tăng 11,7% so với cùng kỳ.

<sup>23</sup> Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 2.548,9 tỷ đồng (chiếm 49%), tăng 2,7%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 2.521,6 tỷ đồng (chiếm 48,5%), tăng 43,6%; còn lại 132 tỷ đồng là ngân sách cấp xã, tăng 4,8% so cùng kỳ.

USD, so với cùng kỳ số dự án FDI cấp phép mới giảm 03 dự án và số vốn đăng ký giảm 240,9 triệu USD (tương đương chỉ bằng 31,6% so cùng kỳ). Riêng tháng 12/2021 cấp phép cho 01 dự án với tổng số vốn là 0,77 triệu USD (chiếm 0,7% số vốn đăng ký từ đầu năm 2021). Lũy kế đến ngày 16/12/2021 trên địa bàn tỉnh hiện có 169 dự án FDI được cấp phép đăng ký và còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt 8.754,8 triệu USD (tương đương khoảng 201 nghìn tỷ đồng).

**\* Tình hình hoạt động của doanh nghiệp:**

Tính từ đầu năm đến thời điểm 20/12/2021, toàn tỉnh có 863 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 16,6% so với cùng kỳ, với tổng số vốn đăng ký là 11,3 nghìn tỷ đồng, tăng 73,8% so với cùng kỳ.

Nếu chia theo đơn vị hành chính, số doanh nghiệp thành lập mới tập trung nhiều nhất ở thành phố Thái Nguyên có 432 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (*chiếm 50,1%*) với số vốn đăng ký là 6,3 nghìn tỷ đồng; thị xã Phổ Yên có 120 doanh nghiệp mới thành lập (*chiếm 15,4%*) với 1,8 nghìn tỷ đồng; thành phố Sông Công có 105 doanh nghiệp (*chiếm 12,2%*) với 1,7 nghìn tỷ đồng; huyện Đại Từ có 54 doanh nghiệp với 0,3 nghìn tỷ đồng; huyện Phú Bình có 47 doanh nghiệp, với 0,6 nghìn tỷ đồng; còn lại nằm rải rác ở các huyện khác.

Tính từ đầu năm đến ngày 20/12/2021 toàn tỉnh có 780 doanh nghiệp đóng mã số thuế, tăng 62 doanh nghiệp so với cùng kỳ và 568 doanh nghiệp ngừng hoạt động, tăng 107 doanh nghiệp so với cùng kỳ. Như vậy tính từ đầu năm đến ngày 20/12/2021, số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động là 1.341 doanh nghiệp, trong khi đó số doanh nghiệp đóng mã số thuế và ngừng hoạt động là 1.348 doanh nghiệp.

## **6.2. Xây dựng**

Giá trị sản xuất xây dựng quý IV/2021 trên địa bàn ước đạt 7,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, đơn vị xây dựng trong nước thực hiện 6,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,3% cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2021 giá trị sản xuất xây dựng trên địa bàn ước đạt gần 24 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ. Trong đó, đơn vị xây dựng có vốn trong nước đạt 22,3 nghìn tỷ đồng (*chiếm 93,1% tổng số*), tăng 11,4% cùng kỳ; còn lại là do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện ước đạt 1,7 nghìn tỷ đồng, giảm 29,1% so cùng kỳ.

Chia theo loại công trình, giá trị sản xuất xây dựng nhà ở ước đạt 12 nghìn tỷ đồng (*chiếm 50,1% tổng số*), tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2020; giá trị sản xuất nhà không để ở đạt 5,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3%; còn lại là giá trị các công trình kỹ thuật dân dụng và hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 6,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% cùng kỳ.

## **II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Lao động - việc làm**

Nhằm đáp ứng nhu cầu tốt nhất về việc làm của người dân trong tỉnh trong năm 2021 ngành chức năng đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung - cầu lao động;

cập nhật, tổng hợp thông tin thị trường lao động. Thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm định kỳ, lưu động. Tổ chức “Ngày hội việc làm tỉnh Thái Nguyên”, các hoạt động tư vấn định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm năm 2021, thu hút gần 100 đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong, ngoài tỉnh với hơn 22 nghìn chỉ tiêu tuyển dụng lao động và tuyển sinh học sinh học nghề...

Theo ước tính của ngành chức năng, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2021 ước đạt dưới 3%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 30,1%, hoàn thành kế hoạch năm 2021.

Hoạt động hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài tiếp tục được quan tâm. Mặc dù gặp khó khăn do dịch Covid-19 nhưng với sự chủ động, tích cực của ngành chức năng ước tính số lượng lao động trên địa bàn tỉnh được tuyển chọn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cả năm là 750 người (bằng 63,7% năm 2020).

Dự ước năm 2021 các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo cho 36 nghìn người, đạt 90% kế hoạch năm 2021<sup>24</sup>. Hỗ trợ học nghề cho đối tượng có ngân sách trình độ đào tạo cao đẳng và trung cấp là 1,3 nghìn người.

*Về tình hình lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp:* Theo kết quả khảo sát tình hình lao động trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hàng tháng cho thấy, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/12/2021 tăng 0,01% so với tháng trước nhưng giảm 7,43% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,11% so với tháng trước và giảm 2,34% so với cùng kỳ; lao động trong khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 0,1% so với tháng trước nhưng tăng 2,46% so với cùng kỳ; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 0,06% so với tháng trước nhưng giảm 10,9% so với cùng kỳ. Tính chung 12 tháng năm 2021, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 8,63% so với cùng kỳ, tương ứng giảm khoảng gần 16.300 lao động<sup>25</sup>.

## **2. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội và chính sách người có công**

### **\* Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội:**

Tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 là 2,17%, giảm 0,65% so với năm 2020, vượt kế hoạch đề ra (*kế hoạch giảm từ 0,45% trở lên*). 100% hộ nghèo có thành viên thuộc đối tượng chính sách người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú, cơ bản thoát nghèo năm 2021 (*chuẩn nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ*).

<sup>24</sup> Trong đó, trình độ cao đẳng là 2 nghìn người, trình độ trung cấp 9 nghìn người và trình độ sơ cấp đào tạo thường xuyên là 25 nghìn người.

<sup>25</sup> Trong đó, doanh nghiệp Nhà nước giảm 3,11%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 2,6%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 11,03%.

*Thực hiện rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đầu kỳ giai đoạn 2022-2025:* Theo báo cáo kết quả sơ bộ của các huyện, thành, thị, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 6,09% (20.416 hộ) và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,85% (16.274 hộ).

Tỉnh Thái Nguyên xác định công tác giảm nghèo là mục tiêu ưu tiên quan trọng trong công tác an sinh xã hội và chính sách phát triển kinh tế - xã hội, trong năm phong trào thi đua “*Thái Nguyên chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau*” năm 2021. Ngành chức năng vẫn tiếp tục huy động tất cả các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh cùng chung tay, góp sức ủng hộ nhằm chăm lo, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh. Công tác bảo trợ xã hội vẫn luôn được ngành chức năng quan tâm. Thực hiện tốt Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật và các chính sách trợ giúp xã hội; tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tự lực cho người nghèo, cộng đồng và xã hội, góp phần thúc đẩy chăm lo đời sống cho người nghèo, yếu thế trong tỉnh.

**\* Thực hiện chính sách ưu đãi người có công:**

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hơn 130 nghìn người có công với cách mạng; hoàn thiện số hóa 130 nghìn hồ sơ người có công với cách mạng. Thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho gần 20,3 nghìn đối tượng là người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; điều dưỡng 7.906 người (tập trung là 498 người, tại gia đình 7.408 người); hỗ trợ trang cấp dụng cụ chỉnh hình năm 2021 cho 417 người; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trên 25 nghìn người có công và thân nhân người có công; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trên 22,5 nghìn đối tượng cựu chiến binh; thực hiện chế độ ưu đãi giáo dục cho 328 đối tượng. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công được triển khai sâu rộng, thông qua các phong trào “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Uống nước nhớ nguồn*” và xây dựng xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ.

Trong năm, toàn tỉnh đã tiếp nhận 29 hồ sơ người có công tỉnh ngoài chuyển đến; thực hiện di chuyển đi tỉnh ngoài 24 hồ sơ; giải quyết chế độ cho 40 trường hợp mới được công nhận; giải quyết chế độ mai táng phí cho 578 trường hợp người có công từ trần, thân nhân người có công từ trần; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sỹ cho 182 trường hợp; cấp giấy chứng nhận cho 49 thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ; đề nghị cấp lại bằng Tổ quốc ghi công cho 34 trường hợp. Giải quyết chế độ mai táng phí, trợ cấp 01 lần cho 618 người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế với số tiền gần 7,5 tỷ đồng...

**3. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em**

Công tác bảo vệ trẻ em luôn được các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm, các chính sách trợ giúp trẻ em từng bước được hoàn thiện và mở rộng. Các hoạt động bảo vệ trẻ em đã được triển khai thực hiện ở cả 3 cấp độ, phòng ngừa, can thiệp giảm thiểu các nguy cơ và hỗ trợ phục hồi, hòa nhập cho trẻ em bị tổn thương, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách

bảo vệ chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ; tiếp tục huy động nguồn lực hỗ trợ phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Trong năm ngành chức năng tổ chức các hoạt động Tháng hành động “*Vì trẻ em với chủ đề Chung tay bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh*”. Tổ chức đoàn đại biểu của tỉnh thăm, tặng quà cho các đơn vị có trẻ em bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; các trung tâm, cơ sở chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; các khu cách ly tập trung của tỉnh có trẻ em từ vùng dịch trở về với số tiền trên 200 triệu đồng. Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp triển khai các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền 620 triệu đồng. Tổ chức chương trình “*Trung thu cho em - Sóng và Máy tính cho em*” với 18 đoàn lãnh đạo tỉnh thăm, tặng quà cho hơn 600 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn tại 18 trường học, bệnh viện của tỉnh với số tiền trên 1,5 tỷ đồng.

#### 4. Giáo dục đào tạo

Trong tháng 12/2021 ngành giáo dục vẫn tiếp tục đã chỉ đạo các nhà trường, tổ chức thực hiện nghiêm túc Khung kế hoạch thời gian và Chỉ thị năm học 2021-2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 2 và lớp 6; tăng cường công tác tu sửa cơ sở vật chất trường lớp, bổ sung trang thiết bị trường học. Triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các cấp học; tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học; tổ chức thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia năm 2021.

Từ khi dịch Covid-19 lần thứ tư bùng phát, phần lớn các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã chuyển sang hình thức dạy học trực tuyến để bảo đảm an toàn phòng, chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, việc học trực tiếp bị tạm dừng và chuyển sang học online cũng gây ra nhiều khó khăn cho cả giáo viên và học sinh, ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh...

Năm 2021, kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông và kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông được tổ chức thành công, nghiêm túc, đúng các quy chế thi và đặc biệt thực hiện nghiêm túc các phương án phòng chống dịch Covid-19 trong các kỳ thi; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2020-2021 đạt 98,3%, tăng 0,4% so với năm học trước. Kết quả thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2020-2021 đạt kết quả tốt, chất lượng cao nhất trong các năm<sup>26</sup>. Toàn ngành tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập ở cả 3 cấp học; 9/9 đơn vị cấp huyện giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

*Công tác tuyển sinh Cao đẳng, Đại học:* Kế hoạch tuyển sinh năm học 2021-2022 của các trường thuộc Đại học Thái Nguyên là 13.830 chỉ tiêu (*thi trung học phổ thông là 7.542 chỉ tiêu và xét học bạ là 6.288 chỉ tiêu*). Tính đến 05/11/2021 số sinh viên nhập học là 13.042 chỉ tiêu, đạt 94,3% kế hoạch<sup>27</sup>.

<sup>26</sup> Gồm 49 giải trong đó có 01 giải nhất, 16 giải nhì, 20 giải ba và 12 giải khuyến khích.

<sup>27</sup> Một số trường có tỷ lệ học sinh nhập học rất cao, vượt chỉ tiêu như: Trường Đại học Ngoại ngữ có 1.001/745 học sinh nhập học vượt 34,36% tổng chỉ tiêu tuyển sinh; Trường Đại

*Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia:* Hiện nay, toàn tỉnh có 589/684 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 86,11% tổng số các trường trên địa bàn. Trong đó, Mầm non có 203/246 trường đạt 82,52%; Tiểu học có 204/212 trường đạt 96,2%; THCS có 159/193 trường đạt 82,38%; THPT có 23/33 trường đạt 69,70%.

#### **4. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng**

##### **\* Tình hình phòng chống dịch Covid-19:**

Qua đánh giá, xác định mức độ dịch và tình hình diễn biến dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: Đánh giá tình hình dịch Covid-19 hiện tại của Thái Nguyên Cấp độ 1.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn, với tinh thần chủ động trong phòng, chống dịch, UBND tỉnh Thái Nguyên đã thành lập 3 bệnh viện điều trị Covid-19 đặt tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Thái Nguyên, Trung tâm Y tế Thị xã Phổ Yên và Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên với tổng 1,1 nghìn giường bệnh, chính thức hoạt động từ 08 giờ ngày 06/11/2021. Với nhiệm vụ khám, điều trị người bệnh Covid-19 mức độ nhẹ không triệu chứng, mức độ vừa và mức độ nặng trên địa bàn tỉnh; đồng thời, chuyển những trường hợp bệnh nhân nặng, nguy kịch hoặc có biến chứng cần can thiệp đến Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên hoặc bệnh viện khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Y tế để tiếp tục để theo dõi, tiếp tục điều trị.

Lũy tích từ ngày 01/01/2021 đến 16h00' ngày 23/12/2021 trên địa bàn tỉnh ghi nhận 1.417 trường hợp mắc Covid-19, trong đó có 812 ca cộng đồng và công nhân các công ty (*riêng liên quan đến các công ty trong Khu công nghiệp là 664 ca*); 14 ca ghi nhận trong khu cách ly người nhập cảnh; 591 ca tiếp xúc với các ca bệnh hoặc từ vùng dịch trở về đã được cách ly (*49 ca ghi nhận từ các tỉnh phía Nam trở về*). Ngoài ra có 29 ca tái dương tính.

Số ca F0 ghi nhận từ ngày 11/10/2021 đến ngày 23/11/2021 là 1.395 ca, trong đó có 807 ca cộng đồng và công nhân các công ty (*liên quan đến các công ty trong Khu công nghiệp là 664 ca*); 06 ca ghi nhận trong khu cách ly người nhập cảnh; 582 ca tiếp xúc với các ca bệnh hoặc từ vùng dịch trở về đã được cách ly, quản lý (*49 ca từ tỉnh phía Nam trở về*).

---

*học Sư Phạm có 1.915/1.500 sinh viên nhập học vượt 27,67% tổng chỉ tiêu tuyển sinh... Bên cạnh đó, một số trường có tỷ lệ tuyển sinh thấp như: Trường Đại học Nông Lâm đạt 38,49% chỉ tiêu tuyển sinh; Đại học Khoa học đạt 38,67%.... Nguyên nhân có sự chênh lệch lớn giữa các trường là do nhu cầu tuyển dụng giữa các ngành chưa đồng đều, cộng với sự xuất hiện của công ty Sam Sung và hệ thống các công ty vệ tinh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thu hút số lượng lớn lao động, trong khi trình độ yêu cầu tại các công ty đó chỉ cần tốt nghiệp trung học phổ thông, không mất chi phí đào tạo....*

Số F1 lũy tích đến 16h00' ngày 23/12/2021 là 13.530 trường hợp. Số F1 hiện đang cách ly tập trung là 783 trường hợp<sup>28</sup>. Số F1 cách ly tại Ký túc xá Công ty Samsung Electronics là 73 trường hợp. Số F1 hiện cách ly tại các địa phương là 2.008 trường hợp<sup>29</sup>. Số F2 lũy tích là 60.934 trường hợp. Hiện đang cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà là 4.511 trường hợp.

*Về công tác xét nghiệm và Tiêm chủng (lũy tích từ ngày 01/01/2021 đến 23/12/2021):* Số mẫu xét nghiệm PCR là 274.803 mẫu. Kết quả có 273.332 mẫu âm tính với SARS-CoV-2; 1.455 mẫu dương tính với SARS-CoV-2; 16 mẫu đang chờ kết quả; số mẫu test nhanh sàng lọc cộng đồng 73.672 mẫu.

Lũy tích đến ngày 23/12/2021: Có 1.642.055 liều vắc xin đã được tiêm cho 958.173 người. Trong đó, người từ 18 tuổi trở lên có 853.562 người được tiêm ít nhất 1 mũi, đạt 92,97% số đối tượng trong độ tuổi<sup>30</sup>. Trẻ em từ 12-17 tuổi: 104.611 trẻ được tiêm 1 mũi, đạt 96,92% số đối tượng trong độ tuổi.

Thái Nguyên vẫn tiếp tục khám sàng lọc và chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, tổ chức bảo quản và tổ chức tiêm chủng hiệu quả, an toàn trên diện rộng. Như vậy đến thời điểm này, Thái Nguyên vẫn đang là một trong những tỉnh thực hiện rất tốt công tác phòng, chống dịch. Theo phương châm thực hiện “nhiệm vụ kép” vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế địa phương và đảm bảo an sinh xã hội trong tình hình mới.

*Công tác ủng hộ phòng chống Covid-19:* Hưởng ứng Lời kêu gọi “Toàn dân đoàn kết, ra sức phòng chống dịch Covid-19” và đợt cao điểm ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh vẫn tiếp tục tiếp nhận số tiền, hiện vật từ các tập thể, cá nhân ủng hộ, đăng ký ủng hộ từ ngày 01/5/2021 đến 19/12/2021, tổng số tiền các tập thể, cá nhân đã ủng hộ, đăng ký ủng hộ qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên trong tỉnh là trên 86,1 tỷ đồng (*bao gồm tiền và hàng hóa đã được quy đổi giá trị bằng tiền*), trong đó, cấp tỉnh đạt 65,9 tỷ đồng; cấp huyện đạt 20,2 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP, Nghị quyết số 116/NQ-CP của Chính phủ và các chính sách đặc thù của địa phương, tính đến ngày 05/12/2021, toàn tỉnh đã hỗ trợ 3.154 doanh nghiệp, đơn vị, 212.090 lượt người lao động và 70 hộ kinh doanh với tổng số tiền là 563,37 tỷ đồng.

*Công tác vận động, huy động nhân lực:* Trong năm toàn tỉnh đã huy động tổng số nhân lực cử đi hỗ trợ các tỉnh bạn trong phòng, chống dịch là 1.445 người,

<sup>28</sup> Thành phố Thái Nguyên: 299; Thị xã Phổ Yên: 03; thành phố Sông Công: 129; huyện Đông Hỷ: 67; huyện Võ Nhai: 113; huyện Định Hóa: 01; huyện Phú Lương: 46; huyện Phú Bình: 21; huyện Đại Từ: 94; Bệnh viện Covid-19 số 1: 03; Bệnh viện Covid-19 số 2: 06; Bệnh viện Covid số 3: 01.

<sup>29</sup> TX Phổ Yên: 876; huyện Phú Bình: 227; huyện Đại Từ: 211; huyện Đông Hỷ: 09; TP Thái Nguyên: 407; huyện Định Hóa: 110; huyện Võ Nhai: 81 và huyện Phú Lương: 87.

<sup>30</sup> Trong đó, 683.306 người được tiêm đủ liều cơ bản ( có 7.463 người được tiêm mũi 3 của vắc xin Abdala, đạt 74,43 % số đối tượng trong độ tuổi từ 18 tuổi trở lên)



bao gồm cán bộ y tế, giảng viên, sinh viên tại các đơn vị, trong đó, 601 bác sỹ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên và sinh viên tham gia công tác phòng, chống dịch tại Bắc Ninh, Bắc Giang; 645 bác sỹ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên và sinh viên đã tham gia công tác phòng, chống dịch tại các tỉnh, thành phố phía Nam; 199 cán bộ y tế và sinh viên tỉnh Thái Nguyên hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid-19 tại Hà Nội. Đến nay tất cả đã trở về địa phương.

**\* Tình hình nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn:**

Với nhiều chính sách hỗ trợ tích cực của Nhà nước trong phòng chống HIV/AIDS nên số người nhiễm mới có xu hướng giảm dần. Lũy tích từ đầu năm đến ngày 30/11/2021 số người nhiễm HIV/AIDS toàn tỉnh hiện có 9.196 người, (*giảm 467 người so với cùng kỳ năm 2020*). Số tử vong do HIV/AIDS là 4.500 người (*tăng 244 người so với cùng kỳ năm 2020*). Riêng trong tháng 11/2021 phát hiện mới 9 người nhiễm, số tử vong do HIV/AIDS là 9 người.

**\* Tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh:**

Trong năm các dịch bệnh truyền nhiễm như Sốt xuất huyết, Quai bị, Thủy đậu, Tay chân miệng... không có diễn biến bất thường. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/12/2021 toàn tỉnh có 42 ca quai bị, 19 ca sốt xuất huyết, 23 ca chân tay miệng, 01 ca viêm màng não do não mô cầu, 01 ca phát ban rạn sởi/rubela, 3 ca tử vong do bệnh dại (*02 ca tại huyện Định Hóa, 01 ca tại thị xã Phổ Yên*). Riêng 20 ngày đầu tháng 12/2021 tình hình dịch tương đối ổn định, không có ca bệnh nào xuất hiện.

**\* Công tác khám, chữa bệnh:**

Công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế được ngành Y tế đảm bảo đủ nhân lực, thuốc, vật tư, thiết bị; bố trí cơ sở giường bệnh, phương tiện cấp cứu, sẵn sàng đáp ứng, phục vụ tốt nhất các trường hợp phải đến viện khám chữa bệnh. Do là tỉnh có nguy cơ cao với dịch Covid-19, tỉnh đã có các phương án sẵn sàng ứng phó với tình huống xấu nhất khi dịch bùng phát; sẵn sàng kế hoạch ứng phó, đảm bảo trang thiết bị, thuốc, vật tư, hệ thống oxy đáp ứng kịp thời các tình huống dịch bệnh xảy ra.

**\* Công tác dân số và trẻ em:**

Tính từ đầu năm đến hết tháng 11/2021, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 13.728 trẻ mới sinh; trong đó, số trẻ em nam sinh ra là 7.293 trẻ (*chiếm 53,13% tổng số trẻ sinh ra*); số trẻ em nữ sinh ra là 6.435 trẻ, (*chiếm 46,87% tổng số trẻ sinh ra*). Tỷ số giới tính khi sinh là 113,3 trẻ nam/100 trẻ nữ.

Trong tổng số trẻ mới sinh, có 2.229 trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên, chiếm 16,24% tổng số trẻ sinh ra; Trong đó, huyện Phú Bình có trẻ sinh ra là con thứ 3 nhiều nhất là 593 trẻ (*chiếm 26,60%*); huyện Đại Từ 389 trẻ (*chiếm 17,45%*); thành phố Thái Nguyên 255 trẻ (*chiếm 11,44%*). Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục được quan tâm thực hiện.

Dân số trung bình năm 2021 ước đạt 1.323.150 người. Tổng số trẻ mới sinh ra năm 2021 dự tính khoảng 17.038 trẻ (*giảm 1.140 trẻ so với năm 2020*); trong đó, thành phố Thái Nguyên giảm nhiều nhất với 495 trẻ (*chiếm 43,42% tổng số trẻ em giảm*), huyện Đông Hỷ và thành phố Sông Công giảm 151 trẻ (*chiếm 13,25% tổng số trẻ em giảm*)... Số trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên ước cả năm là 2.426 trẻ (*tăng 80 trẻ so với năm 2020*), chiếm 14,83% tổng số trẻ sinh.

**\* Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:**

Để bảo đảm thị trường cuối năm an toàn, lành mạnh, ngành chức năng đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra tất cả các sản phẩm tiêu thụ trên thị trường; tuyên truyền về đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Trong năm toàn tỉnh không có vụ ngộ độc thực phẩm, ngộ độc tập thể xảy ra trên địa bàn tỉnh.

**6. Hoạt động văn hoá, thể thao**

**\* Hoạt động văn hoá:**

*Hoạt động văn hóa:* Các hoạt động tuyên truyền, biểu diễn nghệ thuật được tổ chức với nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện thực tế đã phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị được giao, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần cho Nhân dân (*tổ chức căng treo 430 băngzôn, 620 phướn, 2014m<sup>2</sup> pa nô tuyên truyền, 34 cụm biểu trưng trong 6 hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm*), tạo bầu không khí phấn khởi và bộ mặt đô thị văn minh, sạch đẹp.

*Hoạt động bảo tàng:* Tiếp tục triển khai công tác lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; thực hiện mã hóa, đánh giá, phân loại, xử lý số liệu, dữ liệu và thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về công tác kiểm kê di tích theo nội dung, trình tự quy định; đón tiếp trên 2 nghìn lượt khách tham quan Không gian văn hóa Trà, bảo tàng và các cuộc triển lãm; tại cuộc triển lãm trực tuyến thu hút 154 lượt chia sẻ, trên 15,7 nghìn lượt xem...

*Hoạt động khu di tích lịch sử và sinh thái ATK- Định Hóa:* Thực hiện đảm bảo kế hoạch công tác quản lý các điểm di tích được giao quản lý; hoàn thành khảo sát, sưu tầm, bảo quản xử lý khoa học 16 tài liệu, hiện vật trên địa bàn huyện Định Hóa liên quan đến ATK Thái Nguyên và các tài liệu, hiện vật thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp; tu sửa, chỉnh trang các di tích; bảo tồn sinh thái - cảnh quan và môi trường; tuyên truyền quảng bá các di tích gắn với phát triển du lịch; đón tiếp 920 đoàn với gần 100 nghìn lượt khách dâng hương tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham quan các di tích.

*Hoạt động thư viện:* Thực hiện tốt công tác số hóa tài liệu thư viện qua đó góp phần truyền bá tri thức, nâng cao dân trí, đưa văn hóa về địa phương, cơ sở. Trong năm cấp 350 thẻ, phục vụ trên 36,7 nghìn lượt bạn đọc, luân chuyển trên 79 nghìn lượt sách, báo, tạp chí, phục vụ trên 1 nghìn lượt bạn đọc tại phòng internet, luân chuyển 5,5 nghìn bản sách đến các trường học, cơ quan, đơn vị trên

địa bàn tỉnh. Bổ sung sách mới Thư viện tỉnh 856 tên sách (4.690 bản sách); tiếp nhận sách biếu tặng 1.730 bản, xử lý 675 bản đưa vào phục vụ độc giả...

*Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa:* Hầu hết các hộ gia đình tại các địa phương trong tỉnh đều thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng “Gia đình văn hóa”; có ý thức tự giác trong việc chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng thôn, xóm, tổ dân phố văn hóa. Dự ước đến cuối năm 2021, tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa đạt 92,53%; xóm, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa đạt 93,83%; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 95,22%.

**\* Hoạt động thể thao:**

Trong năm ngành chức năng của đã tỉnh đăng cai tổ chức thành công giải Karatedo miền Bắc lần thứ I năm 2021, hướng dẫn công tác tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp; thực hiện linh hoạt các biện pháp huấn luyện vận động viên, học sinh năng khiếu trong điều kiện phòng chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo giữ vững phong độ và thành tích của vận động viên các môn thể thao của tỉnh.

Tham gia thi đấu 15 giải thể thao toàn quốc, quốc tế, khu vực, giành 103 huy chương các loại<sup>31</sup>, giành 03 cờ nhất toàn đoàn, 01 cờ nhì toàn đoàn, 01 cờ ba toàn đoàn; 37 lượt VĐV cấp I quốc gia (đạt 92,5%); 37 lượt VĐV cấp Kiện tướng (đạt 185% KH); cung cấp lên đội tuyển tỉnh và quốc gia 24 VĐV (đạt 150% KH); bộ môn Jujitsu, huấn luyện viên và các vận động viên của tỉnh được lựa chọn vào đội tuyển Việt Nam tham gia thi đấu đóng góp 6/7 huy chương của cả đội tuyển (02 HCV, 02 HCB, 02 HCD), góp phần cho đoàn thể thao Việt Nam đứng thứ 18/62 quốc gia tham dự giải Vô địch thế giới Jujitsu năm 2021; môn Cờ vua, với hình thức thi đấu trực tuyến, hai vận động viên của Thái Nguyên cũng đã đem về cho thể thao Việt Nam 02 HCV và 01 HCB ở lần lượt các giải vô địch Cờ vua trẻ Đông Á năm 2021 và Giải vô địch Cờ vua trẻ nhanh thế giới 2021.

*Đào tạo học sinh năng khiếu:* Duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo 200 học sinh năng khiếu hệ nội trú, 60 học sinh bán tập trung. Tham gia thi đấu 7/22 giải thể thao toàn quốc, đạt 40 huy chương (11 HCV, 11 HCB và 18 HCD); 01 VĐV kiện tướng; cung cấp cho đội tuyển tỉnh và quốc gia 12 VĐV.

*Hoạt động du lịch:* Trước ảnh hưởng phức tạp của dịch bệnh Covid-19, trong năm ngành du lịch đã đẩy mạnh công tác xúc tiến quảng bá du lịch theo hướng tăng cường kích cầu du lịch nội địa; tổ chức thành công chương trình du lịch “*Qua những miền di sản Việt Bắc*” lần thứ XII - Thái Nguyên 2021; Lễ Kỷ niệm 190 năm Ngày thành lập tỉnh Thái Nguyên (04/11/1831 - 04/11/2021) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất được tổ chức vào ngày 29/10/2021 tại Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh.

<sup>31</sup> Bao gồm: 28 HCV (đạt 70% KH), 30 HCB (đạt 66,7% KH) và 45 HCD (đạt 90% KH).

## 7. Tình hình an toàn giao thông

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, tính từ ngày 15/11/2021 đến ngày 14/12/2021 trên địa bàn tỉnh xảy ra 20 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 7 người chết và 15 người bị thương, (*tăng 3 vụ, giảm 02 người chết và tăng 3 người bị thương so với cùng kỳ năm 2020*). Trong đó tai nạn liên quan đến ô tô là 6 vụ (chiếm 30%); liên quan đến mô tô là 11 vụ (chiếm 55%); 02 vụ liên quan đến phương tiện khác (chiếm 10%). Thiệt hại tài sản ước tính trên 0,2 tỷ đồng. Không xảy ra tai nạn giao thông trên đường sắt, đường thủy.

Tính chung 12 tháng năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 152 vụ tai nạn giao thông, làm chết 51 người và 127 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2020 số vụ tai nạn giảm 13 vụ (-7,88%), số người bị chết giảm 9 người (-15%), và số người bị thương giảm 24 người (-15,9%). Trong đó, thành phố Thái Nguyên xảy ra 62 vụ có 13 người chết và 49 người bị thương (*giảm 2 vụ, giảm 1 người chết, giảm 5 người bị thương so với cùng kỳ năm 2020*); thị xã Phổ Yên có 24 vụ có 11 người chết và 12 người bị thương, (*giảm 01 vụ, giảm 02 người chết so và giảm 01 người bị thương với cùng kỳ năm 2020*); huyện Đại Từ 18 vụ, 7 người chết và 23 người bị thương (*giảm 02 vụ, giảm 3 người chết và giảm 8 người bị thương so với cùng kỳ năm 2020*)...

*Công tác kiểm tra, xử lý an toàn giao thông:* Trong tháng 12/2021 ngành chức năng đã kiểm tra lập biên bản xử lý vi phạm 2.663 trường hợp, tạm giữ 35 xe ô tô, 351 xe mô tô, 5 phương tiện khác. Số tiền xử phạt 2,6 tỷ đồng. Đường thủy nội địa xử lý 3 trường hợp vi phạm, thu nộp ngân sách là 0,2 triệu đồng.

*Công tác quản lý phương tiện giao thông:* Trong tháng lượng xe đăng ký mới là 4.745 xe, tăng 448 xe so với tháng trước (*tháng trước đăng ký 4.297 xe*); trong đó xe ô tô 1.096 xe, tăng 510 xe so với tháng trước (chiếm 23,1% tổng số xe đăng ký mới), xe mô tô 3.464 xe (chiếm 73,0%), xe máy điện 185 xe (chiếm 3,9% tổng số xe đăng ký mới); Tổng lũy kế số phương tiện đã đăng ký 909.930 xe, với 79.931 xe ô tô, chiếm 8,78%; xe mô tô là 806.078 xe, chiếm 88,59%; xe máy điện 23.921 xe chiếm 2,63% tổng số xe đã đăng ký.

## 8. Công tác phòng chống cháy, nổ

Tháng 12, bước vào mùa hanh khô, các đợt không khí lạnh kéo dài nên nhu cầu sử dụng thiết bị sưởi ấm trong gia đình tăng, đồng thời là dịp cuối năm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh gấp rút dự trữ hàng hóa phục vụ người dân nhân dịp Tết Nguyên Đán, do đó tiềm ẩn nhiều nguy cơ về cháy, nổ, nhất là cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng.

Để người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, đơn vị nâng cao ý thức trong công tác phòng cháy chữa cháy, lực lượng chức năng đã và đang đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng thoát nạn, kiến thức về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; đồng thời tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân.

Tính từ ngày 16/11/2021 đến 15/12/2021 trên địa bàn tỉnh xảy ra 5 vụ cháy, nổ, tăng 3 vụ so với tháng trước và giảm 6 vụ so với cùng kỳ năm 2020; trong đó xảy ra tại thành phố Thái Nguyên 02 vụ, thị xã Phổ Yên 01 vụ, Thành phố Sông Công 01 vụ, huyện Phú Bình 01 vụ; làm 01 người chết và 01 người bị thương. Giá trị thiệt hại và nguyên nhân các vụ cháy, nổ đang được các cơ quan chức năng tiến hành điều tra, tổng hợp.

Tính chung từ đầu năm đến ngày 15/12/2021 trên địa bàn tỉnh xảy ra 62 vụ cháy, nổ làm 01 người chết và 8 người bị thương. Ước tính giá trị tài sản thiệt hại trên 7 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2020 giảm 14 vụ, tăng 01 người chết, giảm 02 người bị thương, về giá trị tài sản bị thiệt hại giảm trên 62 tỷ đồng.

### **9. Thiệt hại do thiên tai**

Trong tháng qua (từ ngày 19/11/2021 đến ngày 18/12/2021) trên địa bàn tỉnh không có thiệt hại do thiên tai xảy ra. Lũy kế tính từ đầu năm đến ngày 24/12/2021 trên địa bàn có 20 đợt thiên tai xảy ra làm 06 người bị thương (thị xã Phổ Yên: 05 người, huyện Đông Hỷ: 01 người), giảm 08 người so với cùng kỳ năm 2020. Thiên tai gây hư hại 211 ngôi nhà, trên 240 ha lúa, trên 310 ha hoa màu, trên 1,3 nghìn con gia súc, gia cầm và nhiều tài sản có giá trị khác. Tổng thiệt hại về tài sản do thiên tai ước tính khoảng 21 tỷ đồng, giảm 67,5% (tương ứng giảm trên 40 tỷ đồng) so với thiệt hại cùng kỳ.

### **10. Vi phạm môi trường**

Trong tháng 12/2021 trên địa bàn tỉnh có 01 vụ vi phạm về môi trường, giảm 01 vụ so với tháng trước, các ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra xử phạt với tổng số tiền là 300 triệu đồng. Tính chung 12 tháng năm 2021 các ngành chức năng đã tiến hành kiểm tra 28 vụ, xử phạt gần 3,4 tỷ đồng thu nộp ngân sách nhà nước (*giảm 4 vụ vi phạm, tăng 1,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020*). Nguyên nhân của vụ xử lý trên là do không ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2021**

Năm 2021, trong điều kiện dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó dự báo, song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự linh hoạt, quyết liệt của các cấp, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực thể hiện ở các mặt sau:

- Kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá 6,51%<sup>32</sup>, mặc dù không đạt kế hoạch (kế hoạch là tăng 7%) kết quả này là sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong thực hiện mục tiêu kép là vừa ngăn chặn, phòng chống dịch bệnh, vừa duy trì tăng trưởng kinh tế.

<sup>32</sup> Xếp thứ 4/14 các tỉnh trong vùng trung du, miền núi phía Bắc; xếp thứ 7/10 các tỉnh vùng thủ đô và xếp thứ 17/63 toàn quốc

- Sản xuất công nghiệp duy trì được đà tăng trưởng và hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục phát huy vai trò là động lực cho tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp. Tăng trưởng công nghiệp địa phương đạt mức cao và vượt mục tiêu kế hoạch.

- Sản xuất nông nghiệp đạt mức tăng trưởng khá và đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, góp phần ổn định đời sống của người dân.

- Chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp. Hoạt động thương mại, dịch vụ nói chung, kể cả hoạt động xuất nhập khẩu từng bước được phục hồi và phát triển. Thương mại điện tử phát triển khá mạnh, trở thành một kênh phân phối quan trọng, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân trong bối cảnh dịch bệnh và phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và thời đại công nghệ 4.0 như hiện nay.

- Phát triển văn hoá, xã hội đạt kết quả tích cực, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân ổn định.

- Tình hình an ninh, trật tự xã hội được bảo đảm.

## **2. Một số hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2021 còn bộc lộ một số hạn chế:

- Dịch Covid-19 ảnh hưởng đến các chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ, giá một số nguyên vật liệu đầu vào, chi phí phòng chống dịch bệnh phục vụ sản xuất tăng, dẫn đến chi phí trung gian của nhiều ngành sản xuất tăng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng của nhiều ngành, trong đó có ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Tăng trưởng và quy mô kinh tế của tỉnh vẫn chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân còn chiếm tỷ trọng chưa lớn. Tăng trưởng của khu vực dịch vụ vẫn phụ thuộc vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ công và hoạt động thương mại, trong đó cơ cấu thị phần bán lẻ của khu vực kinh tế cá thể vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Các ngành dịch vụ bị ảnh hưởng chung do tình hình dịch Covid-19.

- Nông nghiệp luôn là bộ đỡ trong những giai đoạn khó khăn của nền kinh tế cũng gặp không ít thách thức trong năm 2021. Giá vật tư nông nghiệp và thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tăng cao; dịch bệnh đối với chăn nuôi lợn và gia cầm diễn biến phức tạp; nhu cầu thị trường chưa phục hồi, giá sản phẩm chăn nuôi đầu ra không ổn định khiến người chăn nuôi thua lỗ.

- Mặc dù giá trị xuất khẩu năm 2021 đạt con số ấn tượng là 28,85 tỷ USD, tăng 17,94% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng giá trị xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước chỉ đạt 595,5 triệu USD, chiếm 2,1% tổng giá trị xuất khẩu và chỉ tăng 13,28% so với mức tăng 18,05% của khu vực FDI. Kinh tế phụ trợ và liên kết giữa khu vực kinh tế trong nước với khu vực FDI còn yếu và lỏng lẻo.

- Chỉ số giá năm 2021 chỉ tăng 1% cho thấy tổng cầu giảm. Tuy vậy, áp lực lạm phát của năm 2022 cũng đang hiện hữu. Giá nguyên vật liệu, hàng hoá và dịch vụ thế giới tăng cao.

### **3. Một số giải pháp**

Quá trình phục hồi kinh tế năm 2022 sẽ còn gặp không ít khó khăn, thách thức nhưng với kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, cùng với sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp kinh tế, của tỉnh Thái Nguyên có nhiều cơ hội để phục hồi. Muốn vậy, trong thời gian tới, tỉnh Thái Nguyên cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Tiếp tục triển khai, thực hiện tốt, an toàn chiến dịch bao phủ diện rộng cho toàn dân tiêm vắc xin; khẩn trương hoàn thành tiêm vắc xin cho toàn dân trong độ tuổi tiêm chủng để sớm đạt được tỷ lệ tiêm chủng miễn dịch cộng đồng; ưu tiên tiêm cho lực lượng lao động khu vực doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể để hai khu vực sản xuất này hoạt động sản xuất kinh doanh trong trạng thái bình thường mới một cách hiệu quả.

- Nâng cao năng lực giải ngân và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án lớn, quan trọng của tỉnh. Đặc biệt, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công để tạo sự lan tỏa đến đầu tư tư nhân và khu vực FDI; khai thác thế mạnh các Hiệp định thương mại đã ký kết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu; tăng cường cơ hội thu hút và tận dụng dòng vốn FDI.

- Thực hiện nhanh và hiệu quả việc cơ cấu lại nền kinh tế. Cơ cấu lại nội bộ từng ngành theo hướng phát huy lợi thế so sánh và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; tập trung nội lực, thúc đẩy động lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao.

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo đảm nguồn cung và lưu thông hàng hóa. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý khi phát hiện có hành vi đầu cơ, tích trữ, thao túng giá.

- Thực hiện các giải pháp kết nối, chủ động cung cấp thông tin thị trường lao động, xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp giữa các địa phương trong việc cung ứng và tuyển dụng lao động để tạo sự kết nối, liên thông trong chuỗi cung ứng lao động giữa các địa phương...

- Tăng cường triển khai và thực hiện chuyển đổi số trong cải cách thể chế và thủ tục hành chính. Chuyển đổi số trong cải cách thể chế và thủ tục hành chính rất quan trọng.

- Để phục hồi lại các chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất, xuất khẩu, cần bảo đảm tối đa lưu thông hàng hóa, lao động, tránh tình trạng “cát cứ” không thống nhất gây cản trở. Đồng thời, bảo đảm cung ứng đầy đủ nguyên, vật liệu, năng lượng. Đẩy mạnh lưu thông phân phối hàng hóa giữa các địa phương nhằm bảo đảm cung ứng nguồn hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu người dân. Triển khai

các chương trình kích cầu tiêu dùng nội địa, chương trình bình ổn thị trường ...  
 Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử trong hoạt động lưu thông, phân phối hàng hóa.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, chú trọng công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường công tác trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy, nổ.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các ngành tổng hợp;
- Bí thư, chủ tịch UBND các huyện, TP, TX;
- Lưu: VT, TKTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
 PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Trần Quang**